

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2021

V/v ly hôn giữa anh Gi và chị H

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Kim Huế

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Liên

Ông Triệu Văn Giản

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 54/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Trung Gi, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Đội 8 thôn Hữu Bị, xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: số nhà 529 Trần Nhân Tông, phường Ph thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

(Anh Gi có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa lần 2)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày **25-01-2021**, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là anh Trần Trung Gi trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu khoảng 3 tháng và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ph thành phố Nam Định ngày 28-11-2015. Sau khi kết hôn anh và chị H chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có quan điểm sống khác biệt, chị H không có trách nhiệm đến cuộc sống vợ chồng nên giữa anh và chị H thường xảy ra xô xát, cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Nay anh Gi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên anh Gi có nguyện vọng xin được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh Gi xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra do công việc rất bận nên anh Gi không thể tham gia phiên tòa nên ngày 19 tháng 3 năm 2021 anh Gi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn là chị Phạm Thị Thu H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng chị H không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa nên chị H không có quan điểm để giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 23-2-2021 tại tổ dân phố số 24 phường Ph thành phố Nam Định xác nhận: Anh Gi và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống vợ chồng không hợp, vợ chồng anh Gi và chị H đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2016 cho đến nay. Về con chung: Vợ chồng anh Gi và chị H không có con chung.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án đã không cung cấp bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, 02 lần vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Như vậy bị đơn đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Gi và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa anh Gi và chị H. Về con chung: Anh Gi và chị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và vay nợ chung: anh Gi không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Trung Gi là nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Trung Gi và chị Phạm Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ph thành phố Nam Định nên hôn nhân giữa anh Gi và chị H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn anh Gi và chị H sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống của anh Gi và chị H không hợp, do mâu thuẫn căng thẳng nên anh Gi và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh Gi và chị H không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay anh Gi xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được ly hôn với chị H. Đối với chị H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị H không đến Tòa án để viết bản tự khai và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa chị H vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc chị H không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Gi và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa anh Gi và chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh Gi và chị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Trung Gi là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Trần Trung Gi và chị Phạm Thị Thu H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Trung Gi phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Trần Trung Gi đã nộp tại biên lai số **0003516 ngày 01-02-2021** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Trung Gi và chị Phạm Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND phường Ph;
- UBND xã M, huyện M;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THA dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**Lương Thị Kim Huế**



